

Số: 170222.001/BCTC.KT5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam được lập ngày 17/02/2022 từ trang 06 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Đỗ Thị Ngọc Dung

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0659-2018-002-1

Hà Nội, ngày 17 tháng 02 năm 2022



Nguyễn Trường Minh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2290-2018-002-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		191.993.322.858	156.952.463.883
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	18.377.577.258	8.850.612.534
111	1. Tiền		13.377.577.258	7.850.612.534
112	2. Các khoản tương đương tiền		5.000.000.000	1.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	115.000.000.000	92.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		115.000.000.000	92.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		57.220.762.794	54.204.047.557
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	27.454.733.072	30.397.470.782
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	798.004.052	142.784.178
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	29.456.277.688	24.352.269.597
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(488.252.018)	(688.477.000)
140	IV. Hàng tồn kho	9	30.148.215	1.889.389.510
141	1. Hàng tồn kho		30.148.215	1.889.389.510
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.364.834.591	8.414.282
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		17.286.360	8.414.282
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	1.347.548.231	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		147.931.017.762	183.253.113.462
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		10.000.000	28.200.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	10.000.000	28.200.000
220	I. Tài sản cố định		17.040.200.727	16.707.658.743
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	7.416.441.727	7.060.424.084
222	- Nguyên giá		24.534.656.593	23.267.574.775
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(17.118.214.866)	(16.207.150.691)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	9.623.759.000	9.647.234.659
228	- Nguyên giá		9.911.978.000	9.911.978.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(288.219.000)	(264.743.341)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		31.500.000	31.500.000
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		31.500.000	31.500.000
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	4	130.646.552.698	166.363.352.698
251	1. Đầu tư vào công ty con		17.947.700.000	17.947.700.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		28.576.942.740	28.576.942.740
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		54.602.709.958	34.838.709.958
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		29.519.200.000	85.000.000.000
260	IV. Tài sản dài hạn khác		202.764.337	122.402.021
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	202.764.337	122.402.021
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		339.924.340.620	340.205.577.345

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		46.192.854.847	54.112.134.844
310	I. Nợ ngắn hạn		45.733.854.847	53.628.235.244
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	19.276.370.747	25.457.906.540
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	359.545.047	2.983.341.506
314	3. Phải trả người lao động		18.102.237.240	16.914.764.421
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn		-	533.679.120
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	15	2.222.672.527	1.343.331.031
322	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		5.773.029.286	6.395.212.626
330	II. Nợ dài hạn		459.000.000	483.899.600
337	1. Phải trả dài hạn khác	15	459.000.000	483.899.600
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		293.731.485.773	286.093.442.501
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	293.731.485.773	286.093.442.501
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		255.000.000.000	255.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		255.000.000.000	255.000.000.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		136.193.960	136.193.960
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		38.595.291.813	30.957.248.541
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		5.357.248.541	4.456.893.309
421b	LNST chưa phân phối năm nay		33.238.043.272	26.500.355.232
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		339.924.340.620	340.205.577.345

Phan Thị Kim Chi
Người lập biểu

Cao Thị Mỹ Trang
Kế toán trưởng



Lê Hoàng Như Uyên
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 02 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	209.340.183.301	182.864.550.132
10	2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		209.340.183.301	182.864.550.132
11	3. Giá vốn hàng bán	19	203.186.250.529	167.843.534.520
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		6.153.932.772	15.021.015.612
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	20	43.722.898.575	29.806.235.792
22	6. Chi phí tài chính		15.434.801	10.956.854
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	14.971.093.449	14.694.572.266
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		34.890.303.097	30.121.722.284
31	9. Thu nhập khác		29.386.630	33.635.096
32	10. Chi phí khác		25.757.486	124.914.575
40	11. Lợi nhuận khác		3.629.144	(91.279.479)
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		34.893.932.241	30.030.442.805
51	13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22	1.655.888.969	3.530.087.573
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		33.238.043.272	26.500.355.232

Phan Thị Kim Chi
Người lập biểu

Cao Thị Mỹ Trang
Kế toán trưởng



Lê Hoàng Như Uyên
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 02 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		34.893.932.241	30.030.442.805
	2. Điều chỉnh cho các khoản		(42.960.614.057)	(28.575.854.530)
02	- Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư		934.539.834	1.130.624.699
03	- Các khoản dự phòng		(200.224.982)	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		13.246.578	376.801
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(43.708.175.487)	(29.706.856.030)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(8.066.681.816)	1.454.588.275
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(4.552.780.793)	13.327.476.612
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		1.859.241.295	(1.684.035.013)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(4.848.130.579)	(46.519.489.906)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(80.362.316)	7.831.613
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(5.096.713.998)	(4.130.275.628)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	3.000.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.824.804.490)	(4.947.962.970)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(26.610.232.697)	(42.488.867.017)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(1.267.081.818)	(207.980.000)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(34.519.200.000)	(10.000.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		67.000.000.000	23.660.000.000
25	4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(19.764.000.000)	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		45.100.356.747	25.433.454.832
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		56.550.074.929	38.885.474.832
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(20.389.200.000)	(17.839.972.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(20.389.200.000)	(17.839.972.500)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

(Tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		9.550.642.232	(21.443.364.685)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		8.850.612.534	30.296.444.465
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(23.677.508)	(2.467.246)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>18.377.577.258</u>	<u>8.850.612.534</u>

Phan Thị Kim Chi
Người lập biểu

Cao Thị Mỹ Trang
Kế toán trưởng



Lê Hoàng Như Uyên
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 02 năm 2022